

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TÂN CHÂU  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09/8/2022

V/v tranh chấp hôn nhân và gia  
đình, ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH ANGIANG.**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Thế Minh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1, Bà Phạm Thùy Trang;

2. Ông Nguyễn Quốc Dũng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Minh Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 181/2022/TLST-HNGĐ ngày 26/4/2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 55/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang; có mặt

- Bị đơn: Chị Ka L, sinh năm 1992; địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 12/4/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Về hôn nhân giữa anh Đ với chị Ka L do 02 người quen biết nhau trước, được cha, mẹ hai bên đồng ý nên hai người tiến tới hôn nhân vào năm 2012. Hai người đi đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện D, tỉnh L theo giấy chứng nhận kết hôn số: 118/2012, quyển số 02/2012, ngày 22/11/2012. Quá trình sống chung, lúc đầu có hạnh phúc đến năm 2021 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị



Ka L có quen với người đàn ông khác, anh Đ phát hiện và anh Đ khuyên thì chị Ka L chối nói không có, sau đó chị Ka L bỏ đi biệt tích đến nay, anh Đ cùng gia đình bên vợ cố khuyên nhưng chị Làn cương quyết không về và không nhận điện thoại của anh Đ. Anh Đ với chị Ka L không còn sống chung từ tháng 11/2021 đến nay. Anh Đ nhận thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại, sống không có hạnh phúc. Anh Đ xin được ly hôn với chị Ka L.

- Về con chung: Anh Đ với chị Ka L có với nhau 02 đứa con chung tên Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 21/01/2013 và Nguyễn Thị Mỹ Q, sinh ngày 22/11/2017, hiện 02 đứa con đang sống với anh Đ. Khi ly hôn anh Đ yêu cầu được nuôi 02 con và không yêu cầu chị Ka L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Ka L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị Ka L vắng mặt không lý do.

*Biên bản xác minh ngày 21/6/2022 của bà Trương Thị N là mẹ ruột anh Nguyễn Văn Đ cung cấp về tình trạng hôn nhân của anh Đ với chị Ka L thể hiện:* Vào năm 2010 gia đình bà N lên xã L, huyện D, tỉnh L làm thuê, đến năm 2012 con bà là anh Nguyễn Văn Đ có quen với chị Ka L (chị Ka L là dân tộc Cờ Ho được nhà Nước di dân từ rừng sâu ra), chị Ka L cũng làm thuê. Gia đình bà N cùng cha, mẹ chị Ka L gặp nhau và đồng ý cho anh Đ với chị Ka L tổ chức lễ cưới và đi đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau thì anh Đ với chị Ka L sống tại xã L, huyện D, tỉnh L đến năm 2015 thì anh Đ với chị Ka L về Thành Phố Hồ Chí Minh làm công nhân. Đến năm 2021 khi dịch bệnh xảy ra, anh Đ và chị Ka L về sống tại xã V, thị xã T, tỉnh An Giang khoảng 05 tháng, đến cuối năm 2021 anh Đ với chị Ka L trở lại Thành Phố Hồ Chí Minh. Khi trở lại Thành Phố Hồ Chí Minh làm công nhân thì chị Ka L có quen với người đàn ông khác. Gia đình bà N biết và có gặp người đàn ông đó nói chuyện, người đàn ông đó cho rằng không biết chị Ka L đã có chồng con. Sau đó chị Ka L bỏ đi cho đến nay. Chị Ka L với anh Đ có với nhau 02 đứa con cùng tên Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 2013 và Nguyễn Thị Mỹ Q, sinh năm 2017 hiện đang sống với anh Đ. Theo bà N, Tòa án cho anh Đ ly hôn với chị Ka L là hợp lý.

*Biên bản xác minh ngày 21/6/2022 Công an xã V cung cấp:* Chị Ka L, sinh năm 1992 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Đ, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang, theo hồ sơ hộ khẩu số 3840 chung hộ do bà Lê Thị N làm chủ hộ. Hiện chị Ka L vẫn còn hộ khẩu tại địa chỉ trên.

Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải nhưng không thực hiện được do chị Ka L vắng mặt.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh ngày 21/6/2022 của bà Lê Thị N là mẹ ruột anh Nguyễn Văn Đ, biên bản không lấy được lời khai chị Ka L



ngày 21/6/2022, biên bản xác minh ngày 21/6/2022 của Công an xã V, thị xã T, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, anh Đ giữ nguyên yêu cầu, chị Ka L vắng mặt,

Anh Đ xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác; chị Ka L không cung cấp chứng cứ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn Đ với chị Ka L có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, năm 2021 giữa anh Đ với chị Ka L có phát sinh mâu thuẫn. Anh Đ với chị Ka L đã không còn sống chung thời gian dài. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh Đ với chị Ka L có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 21/01/2013 và Nguyễn Thị Mỹ Q, sinh ngày 22/11/2017, hiện con sống với anh Đ. Đề nghị giao con cho anh Đ nuôi dưỡng, chị Ka L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*Về tố tụng:*

[1] Thẩm quyền: Anh Nguyễn Văn Đ khởi kiện “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” với chị Ka L, sinh năm 1992; địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

*Biên bản xác minh ngày 21/6/2022 Công an xã V cung cấp:* Chị Ka L, sinh năm 1992 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Đ, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang, theo hồ sơ hộ khẩu số 3840 chung hộ do bà Lê Thị N làm chủ hộ. Hiện chị Ka L vẫn còn hộ khẩu tại địa chỉ trên.



Sự vắng mặt của đương sự: Chị Ka L vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

*Về nội dung:*

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ với chị Ka L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện D, tỉnh L theo giấy chứng nhận kết hôn số: 118/2012, quyền số 02/2012, ngày 22/11/2012. Xét, hôn nhân giữa anh Đ và chị Ka L là hợp pháp.

Anh Đ khai, Quá trình sống chung, lúc đầu có hạnh phúc đến năm 2021 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Ka L có quen với người đàn ông khác, anh Đ phát hiện và anh Đ khuyên thì chị Ka L chối nói không có, sau đó chị Ka L bỏ đi biệt tích đến nay, anh Đ cùng gia đình bên vợ có khuyên nhưng chị Ka L cương quyết không về và không nhận điện thoại của anh Đ. Anh Đ với chị Ka L không còn sống chung từ tháng 11/2021 đến nay. Anh Đ nhận thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại, sống không có hạnh phúc. Anh Đ xin được ly hôn với chị Ka L.

*Biên bản xác minh ngày 21/6/2022 của bà Trương Thị N là mẹ ruột anh Nguyễn Văn Đ cung cấp về tình trạng hôn nhân của anh Đ với chị Ka L thể hiện:* Vào năm 2010 gia đình bà N lên xã L, huyện D, tỉnh L làm thuê, đến năm 2012 con bà là anh Nguyễn Văn Đ có quen với chị Ka L (chị Ka L là dân tộc Cờ Ho được nhà Nước di dân từ rừng sâu ra), chị Ka L cũng làm thuê. Gia đình bà N cùng cha, mẹ chị Ka L gặp nhau và đồng ý cho anh Đ với chị Ka L tổ chức lễ cưới và đi đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau thì anh Đ với chị Ka L sống tại xã L, huyện D, tỉnh L đến năm 2015 thì anh Đ với chị Ka L về Thành Phố Hồ Chí Minh làm công nhân. Đến năm 2021 khi dịch bệnh xảy ra, anh Đ và chị Ka L về sống tại xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu tỉnh An Giang khoảng 05 tháng, đến cuối năm 2021 anh Đ với chị Ka L trở lại Thành Phố Hồ Chí Minh. Khi trở lại Thành Phố Hồ Chí Minh làm công nhân thì chị Ka L có quen với người đàn ông khác. Gia đình bà N biết và có gặp người đàn ông đó nói chuyện, người đàn ông đó cho rằng không biết chị Ka L đã có chồng con. Sau đó chị Ka L bỏ đi cho đến nay. Chị Ka L với anh Đ có với nhau 02 đứa con cùng tên Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 2013 và Nguyễn Thị Mỹ Q, sinh năm 2017 hiện đang sống với anh Đ. Theo bà N, Tòa án cho anh Đ ly hôn với chị Ka L là hợp lý.

Theo khoản 2 Điều 17, Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, “Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp,... và lý do chính đáng khác”;

“Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”.

Anh Đ với chị Ka L có thời gian dài không sống chung, hai người không tự hàn gắn lại được, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm



cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Giữa anh Đ với chị Ka L đã sống xa cách nhau từ tháng 11/2021 đến nay.

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét, chấp nhận yêu cầu của anh Đ ly hôn đối với chị Ka L.

[3] Về con chung: Anh Đ với chị Ka L có với nhau 02 đứa con chung tên Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 21/01/2013 và Nguyễn Thị Mỹ Q, sinh ngày 22/11/2017, hiện 02 đứa con đang sống với anh Đ. Khi ly hôn anh Đ yêu cầu được nuôi 02 con và không yêu cầu chị Ka L cấp dưỡng nuôi con. Nguyên vọng của Mỹ Duyên muốn được sống với anh Đ.

Xét, giao cháu Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 21/01/2013 và Nguyễn Thị Mỹ Q, sinh ngày 22/11/2017, cho anh Đ nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động. Chị Ka L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đ cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Ka L trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ khai giữa anh với chị Ka L không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đặt ra giải quyết. Nếu sau này chị Ka L cho rằng trong thời kỳ hôn nhân giữa chị Ka L với anh Đ có tài sản, nợ chung thì chị Ka L vẫn có quyền khởi kiện ra tòa yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh Đ được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0006346 ngày 21/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Chị Ka L không phải chịu tiền án phí hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ.



Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn với chị Ka L;

Giấy chứng nhận kết hôn số 118/2012, quyền số 02/2012, ngày 22/11/2012 do UBND xã L, huyện D, tỉnh L cấp cho anh Nguyễn Văn Đ và chị Ka L không còn giá trị pháp luật.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 21/01/2013 và Nguyễn Thị Mỹ Q, sinh ngày 22/11/2017 cho anh Nguyễn Văn Đ nuôi dưỡng. Chị Ka L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn Đ cùng thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Ka L trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Nếu sau này chị Ka L cho rằng trong thời kỳ hôn nhân giữa chị Ka L với anh Đ có tài sản, nợ chung thì chị Ka L vẫn có quyền khởi kiện anh Đ ra tòa yêu cầu giải quyết trong vụ án khác

Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh Đ được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0006346 ngày 21/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Chị Ka L không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án anh Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Thời gian kháng cáo của chị Ka L ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Viện KSND TX (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TX (1);
- UBND xã L, huyện D, tỉnh L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Ngô Thế Minh**